

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 01 - 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng;

2. Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Chu Tuấn Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Đội 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim P, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 8 ngách 252/58 phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt anh Chu Tuấn Đ, vắng mặt chị Nguyễn Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2018, bản tự khai ngày 17/12/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Chu Tuấn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Kim P kết hôn vào ngày 01/03/2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, hay cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân đến nay được 16 tháng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Kim P.

Về con chung: Anh Chu Tuấn Đ xác định giữa anh và chị Nguyễn Kim P có một người con chung là cháu Chu Tuấn Đ1, sinh ngày 30 tháng 08 năm 2008, hiện nay cháu đang ở với anh Đ. Sau khi ly hôn, anh Đ xin được trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Đ1 và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định giữa anh và chị P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Kim P vắng mặt (chị P đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt) nhưng theo bản tự khai của chị Nguyễn Kim P tại Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội thể hiện: Chị nhất trí với ý kiến của anh Đ về điều kiện kết hôn quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Chị P xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do tính tình không hợp nhau thường bất đồng quan điểm sống, hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh Đ có đơn xin ly hôn chị thì chị cũng nhất trí thuận tình ly hôn với anh Chu Tuấn Đ. Về con chung, chị P xác định chị và anh Đ có một con chung là cháu Chu Tuấn Đ1, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2008. Sau khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng xin được nuôi con chung, chị P cũng nhất trí để anh Đ nuôi cháu Đ1 và chị không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Về tài sản chung, nợ chung chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Chu Tuấn Đ có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Kim P, chị P cũng nhất trí thuận tình ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xử thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Chu Tuấn Đ và chị Nguyễn Kim P thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Chu Tuấn Đ1, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2008, vợ chồng ly hôn anh Đ xin nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh và chị P cũng nhất trí, bản thân cháu Đ1 cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ thấy có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Anh Chu Tuấn Đ và chị Nguyễn Kim P thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh Đ phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Kim P cư trú tại Số nhà 8 ngách 252/58 phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Khi nộp đơn khởi kiện

tại Tòa án nhân dân huyện N, anh Đ cung cấp Biên bản thỏa thuận giữa anh Đ và chị P lựa chọn giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Kim P vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa Anh Chu Tuấn Đ và chị Nguyễn Kim P vào tháng 03 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, chị P cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh Đ và chị P là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị P thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Chu Tuấn Đ1, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2008. vợ chồng ly hôn anh Đ có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ, phía chị P cũng nhất trí, mặt khác bản thân cháu Đ1 cũng có nguyện vọng xin được ở với anh Đ vì vậy nên tiếp tục giao cháu Đ1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của anh Đ về việc không yêu cầu chị P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh thấy là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị P thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Chu Tuấn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1]. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Chu Tuấn Đ và chị Nguyễn Kim P.

[2]. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Chu Tuấn Đ1, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2008 cho anh Chu Tuấn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Kim P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm anh Chu Tuấn Đ phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai số BB/2012/06347 ngày 13/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương